TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2018.
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Na Rinh.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Diệp Tấn Sỹ – Chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:175/2018/TLST- HNGĐ, ngày 28/3/2018, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:28/2018/QĐXXST-HN, ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp M H, xã V K huyện C N, tỉnh T V. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp B K, xã M L B, huyện C N, tỉnh T V. Vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T xác lập hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M L B vào ngày 21/12/2015, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh T quen nhau hơn 01 năm rồi tự nguyện đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau ngày cưới chị về làm dâu bên chồng được 03 năm, đến tháng 12 năm 2016 al thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T làm nghề thợ hồ thường xuyên uống rượu về nhà là kiếm chuyện cãi vã rồi đánh chị rất nhiều lần, nên chị không thể nào sống được và bỏ đi về nhà mẹ ruột sinh sống, sau đó

chị đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, anh T bỏ mặt không tìm, không liên lạc gì cả, vợ chồng ly thân đến nay hơn 02 năm, cha mẹ hai bên cũng không có hòa giải gì cả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị và anh T chung sống không có sinh con.

- *Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Kim C không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn T: Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên anh T không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kim C, xử cho chị Kim C được ly hôn với anh T, về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả do chị Kim C không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết. Buộc chị Kim C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ nhất và anh có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Kim C khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với T, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Kim C và anh T xác lập hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M L B vào ngày 21/12/2015, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 12 năm 2016 al thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Kim C khai do anh T làm nghề thợ hồ thường xuyên uống rượu về nhà là kiếm chuyện cãi vã, gây gổ rồi đánh chị nhiều lần, nhưng anh T không khắc phục được việc này, từ đó chị không thể nào sống được và bỏ về nhà mẹ ruột sống, sau đó đi làm thuê ở tỉnh Bình

Dương và ly thân tính đến nay hơn 02 năm, anh T và chị không có gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tình cảm vợ chồng không còn và chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ghi lời khai của anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống và ứng xử giao tiếp, anh đi làm thợ hồ nên thường uống rượu, khi về nhà thì có lời qua tiếng lại, cải vã nhau rồi chị Kim C tự ý bỏ nhà ra đi tính đến nay hơn 02 năm và anh cũng đồng ý ly hôn với chị Kim C.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Do đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị Kim C và anh T tuy chưa thống nhất với nhau về lối sống, cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để giải quyết mọi vấn đề mâu thuẫn một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng anh chị không làm được việc này, khi mâu thuẫn xảy ra anh chị bỏ mặt, anh chị đã ly thân hơn 02 năm, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức. Tòa án mở 02 phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim C và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Kim C xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kim C, xử cho chị Kim C và anh T được ly hôn với nhau là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị Kim C và anh T chung sống với nhau không có sinh con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Kim C không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trần Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C nộp 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0014092, ngày 27/3/2018 do chị Kim C nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Nguyễn Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim C có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M L B;
- Lưu HSVA.